

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS-ST

Ngày: 23.12.2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thanh Điền

*Hội thẩm nhân dân:*

1. ông Tăng Tài Thủ
2. bà Thái Ánh Trinh

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:** ông Đặng Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2022/DS.ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1056/2022/QĐ-TA ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng chính sách xã hội V**

Trụ sở: quận H, tp Hà Nội

Đại diện pháp luật: ông Dương Quyết T, chức vụ: tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: ông Nguyễn Minh M, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH quận T (theo Quyết định ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09.6.2015).

Người đại diện tham gia tố tụng: ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1983, chức vụ: phó giám đốc (theo giấy ủy quyền ngày 16.8.2022).

(có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Lê Thị N**

sinh năm 1958

2.2. Anh **Đặng L**

sinh năm 1986

2.3. Anh **Đặng Lê H**

sinh năm 1988

2.4. Anh **Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>**

sinh năm 1992

2.5. Anh **Đặng Lê Anh Q**

sinh năm 1993

Nơi cư ngụ: khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ.

(anh H có mặt, bị đơn khác vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 16.8.2022, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V (có đại diện ủy quyền ông Nguyễn Ngọc T) trình bày:* Giữa ông Đặng Văn C với Ngân hàng Chính sách xã hội V (Ngân hàng) giao kết hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Ngày 12.11.2011 ông C vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội V - chi nhánh quận T theo hợp đồng vay 6000005300021704, số tiền vay 31.000.000 đồng, mục đích chi phí học tập cho sinh viên, bên vay đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 11.000.000 đồng;

- Ngày 30.10.2013 ông C vay nợ Ngân hàng theo hợp đồng số 6000005300016971, số tiền vay 39.600.000 đồng, mục đích chi phí học tập cho sinh viên, hiện còn nợ 39.600.000 đồng;

- Ngày 12.6.2017 ông C vay nợ Ngân hàng theo hợp đồng số 600000710440191 ngày 12.6.2017, tiền vay 35.000.000 đồng, mục đích xây dựng quán, bàn ghế (bán cà phê), hiện còn dư nợ 35.000.000 đồng;

- Ngày 12.7.2020 ông C vay nợ Ngân hàng theo hợp đồng số 600000718382914 ngày 12.7.2020, vay 20.000.000 đồng, mục đích sửa nhà vệ sinh, sửa công trình nước sạch, hiện còn dư nợ 20.000.000 đồng.

Quá trình vay, ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả gốc và lãi là 111.831.522 đồng (tính đến ngày 12.8.2022).

\* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02.11.2022, bị đơn anh Đặng Lê H trình bày:* Thừa nhận khi còn sống ông Đặng Văn C (*cha*) có giao kết với Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch quận T để vay nợ. Cụ thể:

- Ngày 12.11.2011 ông C vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch quận Thốt Nốt theo hợp đồng vay 6000005300021704, vay 31.000.000 đồng, mục đích chi phí học tập cho sinh viên, bên vay đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 11.000.000 đồng;

- Ngày 30.10.2013 ông C vay nợ Ngân hàng theo hợp đồng số 6000005300016971, số tiền vay 39.600.000 đồng, mục đích chi phí học tập cho sinh viên, hiện còn nợ 39.600.000 đồng.

Bị đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay số 6000005300021704 và hợp đồng số 6000005300016971 như trên, yêu cầu trả dân vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn; Không thừa nhận đối với hợp đồng vay số 600000710440191 ngày 12.6.2017 và Hợp đồng số 600000718382914 ngày 12.7.2020.

\* *Đối với bị đơn bà Lê Thị N, anh Đặng L, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đương sự để thực hiện việc tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với đương sự được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa hôm nay*, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị N, anh Đặng L, anh Đặng Lê H, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 12.12.2022 là 115.921.847 đồng. Trong đó gồm nợ gốc 105.600.000 đồng, nợ lãi 10.321.847 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong; Bị đơn anh Đặng Lê H thừa nhận một phần yêu cầu nguyên đơn, các bị đơn khác vắng mặt tại phiên tòa.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

*./ Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

*./ Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Theo đó buộc các bị đơn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nợ gốc và lãi theo thỏa thuận hợp đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng Chính sách xã hội V với ông Đặng Văn C có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận (*chi phí học tập cho sinh viên, xây dựng quán, bàn ghế và sửa nhà vệ sinh, sửa công trình nước sạch*). Quá trình giao dịch, phía ông C không thanh toán nợ đến hạn theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu đòi nợ. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm b khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Lê Thị N, anh Đặng L, anh Đặng Lê Lý H, anh Đặng Lê Anh Q đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đương sự vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về tư cách tham gia tố tụng:* Nguyên đơn cho rằng, khi còn sống ông Đặng Văn C có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch quận T, do ông C vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu đòi nợ. Tại thời điểm khởi kiện, ông C chết nên phát sinh người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự, do đó Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Lê Thị N (*vợ*), anh Đặng L, anh Đặng Lê H, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q (*con*) là bị đơn theo quy định tại điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Quá trình giải quyết, bị đơn anh Đặng Lê H thừa nhận việc ông C giao kết với ngân hàng Hợp đồng vay số 6000005300021704 ngày 12.11.2011 và hợp đồng số 6000005300016971 ngày 30.10.2013 nên đây là tính tiết không phải chứng minh. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt/nghiệm xét công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn gồm bà N, anh L, anh Lý H<sub>1</sub>, anh Q không thực hiện việc tự khai, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và cũng không có bất kỳ ý kiến gì về khoản tiền vay nợ gốc và nợ lãi hay về trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Tại phiên tòa, anh Đặng Lê H không thừa nhận hộ gia đình giao kết hợp đồng số 600000710440191 ngày 12.6.2017 và số 600000718382914 ngày 12.7.2020.

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch quận T đã chấp thuận cho ông C vay nợ theo 04 hợp đồng tín dụng. Các bên giao kết hợp đồng theo trình tự, thủ tục quy định nên có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng với ông Đặng Văn C là có thật và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và điều 468 Bộ luật dân sự, do đó các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Hơn nữa, những khoản vay nhằm mục đích hỗ trợ việc học tập của con ông C và mục đích phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình, nên căn cứ khoản 2 điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên. Cụ thể, đến ngày 12.12.2022 Ngân hàng Chính sách xã hội V yêu cầu bị đơn bà N, anh L, anh H, anh Lý H<sub>1</sub>, anh Q có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng gồm 105.600.000 đồng nợ gốc và 10.321.847 đồng nợ lãi là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại điều 91 và khoản 1 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Từ viện dẫn trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Đối với ý kiến của bị đơn: Bị đơn cho rằng hiện đang khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả, yêu cầu trả dần đến khi dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay, do bị đơn không trả được nợ nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, yêu cầu trả dần của bị đơn không thuộc phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử mà được xem xét giải quyết tại giai đoạn thi hành án. Do đó bị đơn yêu cầu trả dần trên cơ sở nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

./ Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Ngân hàng Chính sách xã hội V không phải chịu án phí sơ thẩm.

./ Bà Lê Thị N, sinh năm 1958 (trên 60 tuổi) được miễn án phí dân sự do thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

./ Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bị đơn gồm anh L, anh H, anh Lý H<sub>1</sub>, anh Q phải chịu án phí giá ngạch là:  $(5\% \times 115.921.847 \text{ đồng}) = 5.796.092,35 \text{ đồng}$ . Xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên bị đơn còn phải chịu:  $5.796.092,35 \text{ đồng} \times 50\% = 2.898.046,18 \text{ đồng}$  (làm tròn 2.898.000 đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26, điểm b khoản 1 điều 35, điều 92, điều 147, điều 227, điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 91, điều 95, điểm a khoản 2 điều 98 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17.6.2010.
- Điều 463, điều 468 và điều 688 Bộ luật dân sự 2015.
- Khoản 2 điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội V (có ông Nguyễn Ngọc G đại diện) đối với bị đơn bà Lê Thị N, anh Đặng L, anh Đặng Lê H, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q.

Buộc bà Lê Thị N, anh Đặng L, anh Đặng Lê H, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội V tổng cộng 115.921.847 đồng, trong đó:

./ Nợ gốc: 105.600.000 đồng.

./ Nợ lãi: 10.321.847 đồng (tính đến ngày 12.12.2022).

Bà Lê Thị N, anh Đặng L, anh Đặng Lê H, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q phải tiếp tục trả lãi theo các Hợp đồng tín dụng số: 6000005300021704 ngày 12.11.2011, số 6000005300016971 ngày 30.10.2013, số 600000710440191 ngày 12.6.2017 và hợp đồng số 600000718382914 ngày 12.7.2020 cho Ngân hàng Chính sách xã hội V kể từ ngày 13.12.2022 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay.

*2. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

/ Ngân hàng Chính sách xã hội V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

/ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Lê Thị N.

/ Anh Đặng L, anh Đặng Lê H, anh Đặng Lê Lý H<sub>1</sub>, anh Đặng Lê Anh Q phải nộp 2.898.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền